

**TIÊU CHÍ THI ĐUA
NĂM HỌC 2024-2025**

TÊN TIÊU CHÍ	NỘI DUNG	ĐIỂM ĐẠT	Ghi chú
TIÊU CHÍ 1 Nội quy chung (40 điểm)	- Chấp hành tốt chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước	2	
	- Chấp hành tốt các nội quy quy chế của ngành, của trường	2	
	- Thực hiện đầy đủ ngày, giờ công lao động + Nghỉ 1 ngày trừ - 2 điểm, nghỉ ngày 2 trừ được tính lũy kế + Đi muộn 05 phút trừ -0,5 điểm; muộn 10 phút trừ -1 điểm; muộn 15 phút trở lên trừ -2 điểm.	2	- Nghỉ, nghỉ đột xuất phải báo cáo BGH và ký vào sổ trực ban
	- Thực hiện đầy đủ các cuộc họp của nhà trường + Bỏ không họp KXL tháng đó. + Đi họp không đúng giờ quy định muộn 0,5 phút trừ -1 điểm; muộn 10 phút trừ - 1,5 điểm; Nói chuyện riêng - 0,5 điểm	2	
	- Không tự do bỏ nơi làm việc + Tự do bỏ nơi làm việc trong khu vực nhà trường trừ -5 điểm + Tự do bỏ nơi làm việc ngoài khu vực nhà trường không xếp loại tháng đó + Làm việc riêng trong giờ hành chính không đúng nhiệm vụ -2 điểm	5	
	- Chấp hành nghiêm chỉnh sự phân công điều động của cấp trên. Điểm trừ với nội dung ngược lại	3	
	- Thực hiện nghiêm túc văn hóa nhà trường (ứng xử sư phạm, thái độ hợp tác vui vẻ, ý kiến đúng lúc, đúng chỗ, đúng cấp quản lý)	3	
	- Trang phục lịch sự, phù hợp, gọn gàng, sạch sẽ, mặc đồng phục theo quy định của nhà trường (ngày Hội, ngày lễ, đón đoàn,...)	1	
	- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ về mọi mặt + Đe trẻ cào, cấu nhau, gây thương tích trừ -2 điểm + Đánh trẻ, đe dọa, bạo hành trẻ KXL, khiển trách, kỷ luật tùy vào mức độ hành vi. + Phụ huynh phản hồi, có ý kiến về vấn đề không đảm bảo an toàn cho trẻ. Nhà trường xem xét tùy	5	



	vào tình hình thực tế trừ từ - 2 điểm trở lên. <i>Trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng liên quan đến pháp luật nhà trường tạm dừng hoạt động, không xếp loại thi đua, xem xét kỷ luật hoặc đưa vào dạng tình giãn biên chế.</i>		
	- Bảo quản tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ dùng phục vụ ăn bán trú, tài liệu nhà trường,...Điểm trừ với nội dung ngược lại	2	
	- Tiết kiệm điện, nước + Quên tắt điện Lần 1 trừ - 2 điểm, Lần sau tính lũy kế + Quên khóa nước để nước chảy Lần 1 trừ - 2 điểm, Lần sau tính lũy kế	3	
	- Đi xe, để xe đúng nơi quy định + Ca 2 đi xe trong sân trường lần 1 trừ - 1 điểm, Lần 2 trừ -2điểm + Để xe lộn xộn, không đúng vị trí Lần 1 trừ - 1 điểm, Lần 2 trừ -2điểm	2	
	- Thông tin báo cáo kịp thời, số liệu chính xác	2	
	- CBQL, GV, NV phối hợp và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao	2	
	- Kiểm tra toàn diện đối với giáo viên, nhân viên (Tốt: 2 điểm; Khá: 1 điểm)	2	
	- Sử dụng mạng xã hội đúng theo quy định + Tuyên truyền, chia sẻ thông tin sai về nhà trường về các quy định của pháp luật trừ - 2điểm trở lên + Đăng tải thông tin, hình ảnh ảnh hưởng đến uy tín, vị thế của nhà trường trừ -2 điểm trở lên <i>Tùy vào mức độ ảnh hưởng xem xét không xếp loại cả năm và chịu xử lý theo pháp luật hiện hành</i>	2	
TIÊU CHÍ 2 Dành cho CBQL (60 điểm)	- Xây dựng kế hoạch và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân công	15	
	- Dự giờ, kiểm tra, đánh giá, tư vấn hỗ trợ giáo viên, nhân viên kịp thời chất lượng	15	
	- Đề xuất các giải pháp thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ khác có hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế	10	
	- Đảm bảo công bằng, công khai trong mọi việc	10	
	- Thiết lập đầy đủ hồ sơ, đảm bảo chất lượng, cập nhật thông tin kịp thời, số liệu chính xác	10	
TIÊU CHÍ 3	1. Quy chế thực hiện nhiệm vụ giáo dục (30 điểm)		
	- Xây dựng KHGD và thực hiện dạy theo đúng	5	

Dành cho giáo viên (60 điểm)	chương trình GDMN		
	- Thực hiện đúng chế độ sinh hoạt trong ngày không cắt xén chương trình GDMN + Bỏ một hoạt động không thực hiện trừ - 2 điểm	5	
	- Nộp giáo án đúng thời gian quy định + Nộp muộn 1 ngày trừ - 1 điểm, muộn 2 ngày trừ - 2 điểm	2	
	- Chất lượng soạn giáo án + Điểm trừ tùy vào từng lỗi (Căn chỉnh, xác định mục đích- yêu cầu sai, phần chuẩn bị không đúng, xác định sai phương pháp... trừ từ - 0,5 đến 4 điểm).	5	
	- Chất lượng tổ chức các hoạt động (dạy đúng, đủ nội dung, đảm bảo phương pháp đúng kế hoạch)	5	
	- Tạo môi trường giáo dục phù hợp với chủ đề	2	
	- Chuẩn bị đồ dùng đầy đủ cho hoạt động dạy	2	
	- Hồ sơ sổ sách chuyên môn đầy đủ, đảm bảo thông tin, sạch sẽ, lưu trữ, bảo quản tốt	2	
	- Thực hiện công tác đánh giá trẻ thường xuyên đúng theo quy định	1	
	- Thực hiện tự học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên tích cực, chủ động, đúng quy định	1	
	2. Thực hiện nhiệm vụ Chăm sóc - Nuôi dưỡng - Đảm bảo an toàn (30 điểm)		
	- Thực hiện hoạt động ăn- ngủ- vệ sinh đúng theo kế hoạch	3	
	- Thực hiện đầy đủ quy trình vệ sinh, chăm sóc (rửa tay, rửa mặt,...)	3	
	- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng thực hiện công tác chăm sóc - vệ sinh cho trẻ	3	
	- Chất lượng tổ chức giờ ăn, ngủ, vệ sinh (trẻ ăn hết xuất, ngủ đúng giờ, vệ sinh thân thể sạch sẽ, quần áo, đầu tóc gọn gàng,...) - Bớt xén khẩu phần ăn của trẻ, sử dụng thức ăn của trẻ - 5 điểm	5	
	- Vệ sinh trong và ngoài lớp, đồ dùng dụng cụ sạch sẽ, phân loại rác đầu nguồn theo quy định	3	
	- Sắp xếp nội vụ gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	3	
	- Tỷ lệ chuyên cần NT; 85% trở lên; 3+4 tuổi từ 90% trở lên; 5 tuổi: 95% trở lên. Trong những trường hợp đặc biệt nhà trường sẽ xem xét vào tình hình thực tế để đánh giá	2	

	- Đảm bảo an toàn cho trẻ (không để vật sắc nhọn, không gây thương tích cho trẻ, bạo hành trẻ, không để trẻ xảy ra ngộ độc thức ăn, nuốt phải vật sắc nhọn, không chứa nước ở chậu và thùng, ổ điện để qua tầm với của trẻ,...)	6	
TIÊU CHÍ 4 Dành cho nhân viên (60 điểm)	1. Nhân viên Nấu ăn (60 điểm)		
	- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	8	
	- Thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công (theo ca, theo bếp)	3	
	- Xây dựng thực đơn, dự kiến khẩu phần ăn đúng thời gian quy định, cân đối hợp lý, thực đơn phong phú theo mùa + Tự ý thay đổi thực đơn đã duyệt trừ 7 điểm + Bổ sung thực phẩm quá nhiều so với dự kiến lần 1 trừ 3 điểm, lần 2 trừ lũy kế	7	
	- Giao nhận thực phẩm đúng theo quy định (giao nhận tay ba)	3	
	- Thực hiện đúng quy trình bếp 1 chiều	5	
	- Chế biến món ăn đảm bảo mùi, vị, màu sắc hấp dẫn với trẻ + Quá mặn, quá nhạt -5 điểm + Không có màu sắc -3 điểm	7	
	- Chia món ăn đúng, đủ định lượng + Thiếu định lượng trừ -7 điểm + Cắt xén, sử dụng thức ăn của trẻ trừ -7 điểm + Phát hiện có hành vi ăn bớt, dấu thức ăn của trẻ phạt tiền gấp 10 lần giá trị thức ăn đã lấy và không xếp loại thi đua cả năm	7	
	- Lưu mẫu thức ăn đúng giờ, đảm bảo theo quy định	3	
	- Sử dụng đồ dùng sống, chín đúng quy định	3	
	- Sử dụng bảo hộ lao động gọn gàng, an toàn, đảm bảo theo quy định	3	
	- Hồ sơ sổ sách đủ số lượng, cập nhật đủ thông tin đúng thời gian, ghi chép sạch sẽ, rõ ràng, bảo quản và lưu trữ tốt	5	
	- Vệ sinh đồ dùng nấu ăn, sắp xếp gọn gàng khoa học	3	
	- Vệ sinh trong bếp, ngoài hành lang, khu vực chế biến và các khu vực chung sạch sẽ.	3	
	2. Kế toán (60 điểm)		
	- Thực hiện đúng nguyên tắc tài chính kế toán thu - chi đầy đủ, đúng kế hoạch	10	
	- Thanh quyết toán kịp thời, công khai (1 tháng 1	10	

lần)		
- Cập nhật chứng từ đúng thời gian, đảm bảo pháp lý	10	
- Sử dụng kinh phí đúng quy định (không tự ý sử dụng kinh phí tập thể vào mục đích cá nhân)	10	
- Hồ sơ, sổ sách đủ về số lượng, số liệu chính xác, rõ ràng, sạch sẽ, khoa học	10	
- Thực hiện tốt các công việc kiêm nhiệm và sự điều động của cấp trên	10	
3. Bảo vệ (60 điểm)		
- Đảm bảo an toàn an ninh trường học, không để xảy ra mất an toàn, an ninh cho CBGV, NV và trẻ; mất tài sản cho nhà trường và phụ huynh học sinh khi đến trường. Không để động vật, xúc vật (chó, mèo, gà,...) chạy trong sân trường	15	
- Mở đóng cổng đúng thời gian quy định, kiểm soát được người ra vào nhà trường Không để cho người lạ vào trường khi chưa có sự cho phép của BGH nhà trường	10	
- Đảm bảo phòng bảo vệ luôn gọn gàng, sạch sẽ	10	
- Kiểm tra hệ thống điện, nước thường xuyên, có giải pháp thực hiện nếu điện chập cháy hoặc mất nước	15	
- Vệ sinh sạch sẽ khu vực phân công và thực hiện đổ rác thường xuyên sạch sẽ không ảnh hưởng đến các hoạt động của nhà trường	10	
Tổng điểm - Từ 95- 100 điểm xếp loại Tốt - Từ 90- dưới 95 điểm xếp loại Khá - Từ 85- dưới 90 điểm xếp loại Trung bình - Dưới 85 điểm xếp loại yếu, kém - Không xếp loại trong các trường hợp giáo viên, nhân viên vi phạm chuẩn mực đạo đức nhà giáo, bạo hành trẻ, vi phạm pháp luật và một số quy định khác trong tiêu chí của nhà trường đã quy định.		

* Điểm thưởng

- Tham gia tích cực các phong trào thi đua của nhà trường, ngành, địa phương... có kết quả: 2 Điểm.
- Đạt giáo viên dạy giỏi Cấp trường: 1 điểm; Cấp huyện: 2 điểm.
- Đạt Sáng kiến xuất sắc cấp trường: 0.5 điểm; Cấp huyện: 2 điểm; Cấp Thành phố: 3 điểm.
- Thực hiện nhiệm vụ đột xuất và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao: 2 điểm.
- Đề xuất giải pháp có tính đột biến và mang lại hiệu quả trong công tác chăm sóc - nuôi dưỡng - giáo dục trẻ mầm non: 2 điểm.

- Phòng GD, Sở GD kiểm tra đánh giá xếp loại Tốt: 2 điểm, Khá: 1 điểm, TB: 0 điểm.

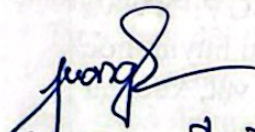
* **Điểm trừ:** Trừ theo từng tiêu chí đã vi phạm

- Đối với việc sinh con thứ 3:

+ Giáo viên sinh con thứ 3 (Không có lý do liên quan đến an toàn về tính mạng) không xét thi đua cả năm.

+ Giáo viên là Đảng viên sinh con thứ 3 (Không có lý do liên quan đến an toàn về tính mạng) không xét thi đua cả năm và đánh giá viên chức không hoàn thành nhiệm vụ.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN


Bùi Thị Phương

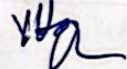
HIỆU TRƯỞNG




Lê Thị Cúc

CÁN BỘ GIÁO VIÊN NHÂN VIÊN


Nguyễn Thị Lưu

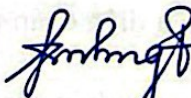

Vũ Thị Thanh Hương

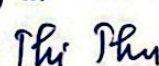

Vũ Thị Liên

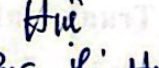

Nguyễn Thị Kiên

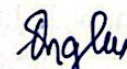

Nguyễn Thị Mơ

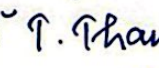

Trần Thị Ngân


Nguyễn Thị Kim Nhung


Trần Thị Phú Hà

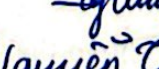

Dương Thị Huệ


Ngô Thị

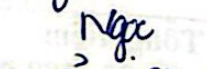

Đỗ T. Thanh Nga


Nguyễn Thị Oanh

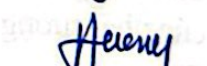

Nguyễn Thị Hải


Nguyễn Thị Hải

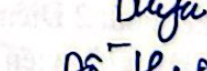

Nguyễn Thị Ngọc

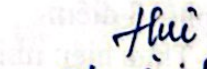

Nguyễn Thị Ngọc


Đồng Thị Huệ


Nguyễn Thị Hương


Đỗ Thị Duyên


Đỗ Thị Duyên


Nguyễn Thị Huệ

~~Đào Thị Lương~~
~~Đào Thị Lương~~

Nguyễn Thị Quyên

~~Đặng Thị Tuyên~~
~~Đặng Thị Tuyên~~

~~Đỗ Thị Lý~~
~~Đỗ Thị Lý~~

Vũ Thị Mỹ Nhân

~~Nguyễn Thị Mai~~
~~Nguyễn Thị Mai~~

~~Đặng Thị Phương~~
~~Đặng Thị Phương~~
Nguyễn Thị Phương

7
Hương
Đào Thị Phú Hương

~~Đào Thị Phú Linh~~
~~Đào Thị Phú Linh~~

~~Sham Thị Thu Hồng~~
~~Sham Thị Thu Hồng~~

~~Đặng Thị Xuyên~~
~~Đặng Thị Xuyên~~

~~Đỗ Thị Đệp~~
~~Đỗ Thị Đệp~~

Thúy
Trần Thị Thúy

~~Phùng Thị Mai~~
~~Phùng Thị Mai~~
Liền

Bùi Thị Liền

~~Vũ Thị Thảo~~
~~Vũ Thị Thảo~~

~~Đỗ Thị Tuyết Minh~~
~~Đỗ Thị Tuyết Minh~~

~~Phạm Thị Phương~~
~~Phạm Thị Phương~~

~~Nguyễn Hải Hà~~
~~Nguyễn Hải Hà~~
Đỗ Thanh Huyền

~~Nguyễn Thị Hải Huyền~~
~~Nguyễn Thị Hải Huyền~~

~~Phùng Thị Nga~~
~~Phùng Thị Nga~~